

Số: 2365 /NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 05 tháng 10 năm 2026

V/v cung cấp báo giá hàng hóa “Vật tư thay thế
C&I hệ thống Nhiên liệu của NMĐ Sông Hậu 1”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Vật tư thay thế C&I hệ thống Nhiên liệu của NMĐ Sông Hậu 1”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: chi tiết như Phụ lục đính kèm
2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Kho Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 17h ngày 19 /10/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ

Email: giangtth@pvpgb.vn; hunglt@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; trimq@pvpgb.vn; tientn@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu VT, TM (M.Q.T).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm công văn số 2365/NMĐSH1-TM ngày 05/10/2026)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	51335053	4/3 Proportional directional valve direct-acting	P4WE 06 E04 D01-24PG/V PN: 6078942/PN 4350389	- Type: Proportional directional valve with 4 main ports, direct-acting - Nominal size: 6 - Symbol; E - Nominal flow: 4 l/min - Rated voltage of the solenoid coil: 24 VDC - Coil type: device connector to DIN EN175301-803 - Sealing material: FKM (standard) Coil - Rated voltage: 24 VDC - Current: 0.86 A - Resistance: 17.6 Ω	HYDAC	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
2	51335056	4/3 Proportional directional valve direct-acting	P4WE 06 E08 D01-24PG/V PN: 6078944/PN: 4350392	- Type: Proportional directional valve with 4 main ports, direct-acting - Nominal size: 6 - Symbol; E - Nominal flow: 8 l/min - Rated voltage of the solenoid coil: 24 VDC - Coil type: device connector to DIN EN175301-803 - Sealing material: FKM (standard) Coil - Rated voltage: 24 VDC - Current: 0.86 A - Resistance: 18.0 Ω	HYDAC	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
3	34911007	Digital Positioner	EDP300- Y0H2F2DA1C6 D1F1K1R3	- Explosion Protection Certification: Without - Input Signal / Communication Port: HART digital communication and 4 to 20 mA - Pneumatic Output Type: Double acting - Safe Position: Fail-freeze - Air Pipe Connection: Thread ¼ in -18 NPT female - Cable Conduits: Thread NPT ½ in female - Option Module Slot 1: Analog feedback output - Usage Certifications: Inspection Certificate 3.1 acc. EN 10204,	ABB	Châu Âu/ G7/ OECD	9	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
				with maximum deviation - Position Indicator: Visual Indicator, integrated into cover - Limit Switches: Microswitches - Position Sensor Type: With integrated (contactless) position sensor - Type of pressure gauge block: 0 to 1 MPa (0 to 10 bar, 0 to 145 psi)					
4	34911011	Positioner	EDP300 A1H2F1AA1K1	- Explosion Protection Certification: ATEX II 1G Ex ia IIC / II 1D Ex ia IIIC - Input Signal / Communication Port: HART digital communication and 4 to 20 mA - Pneumatic Output Type: Double acting - Safe Position: Fail-freeze - Air Pipe Connection: Thread G 1/4 female - Option Module Slot 1: Analog feedback output - Position Sensor Type: With integrated (contactless) position sensor - Pressure gauge block: TZIDC / EDP300 Pressure gauge block, double acting, black, 3 pressure gauges 28 mm, connectors 1/4 in. NPT, 1 x 0 ... 10 bar / 0 ... 140 psi for air supply, 2 x 0 ... 10 bar / 0 ... 140 psi for output pressure, including attachments	ABB	Châu Âu/ G7/ OECD	10	Cái	(*)
5	58801061	Air Filter Regulator	YT-225BN210	- Adjustable range: 0 to 0.84 MPa - Air Connection type: NPT - Gauge: 0 to 1.0 MPa - Ambient Temperature: -20 to 70 °C (-4 to 158 °F) - Option: Manual drain - Max. Supply Pressure: 1.7 MPa (17 bar) - Max. Out Pressure: 0.84 MPa (B Type) - Air Connection: 1/2 NPT - Gauge Connection: 1/4 NPT - Housing Material: Stainless Steel 316	Rotork	Châu Âu/ G7/ OECD	15	Bộ	(*)
6	31501001	Extension cable for (Displacement sensor)	FW-202FL-85	- Armor: Without armor - Cable length (L): 8.5m	Shinkawa	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
7	31501002	Extension cable for (Displacement sensor)	FW-202FL-80	- Armor: Without armor - Cable length (L): 8m	Shinkawa	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)
8	34503027	Temperature sensor	R312PK1F87G AZZA0	- Extension lead type double element - Head type: None head - Element (Tolerance): K (0.75) - Sheath or protecting tube material: 316SS - Sheath or protecting tube outer diameter (mm): 6.4 (Tube) - Electrical connection (None head): None - Lead wire length (M): 20m - Insert length: 100mm Phải tương thích để lắp đặt, thay thế cho cảm biến nhiệt độ model R312PK1F87GAZZA0, Serial: R180301092, của hãng Wise - Tham khảo bản vẽ TA1Z17013-G-R312-001, của hãng Wise	Wise	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
9	34502034	Speed Sensor	Type: DSL EH10.02AHV	- DSL EH10.02AHV - Supply voltage: 8 to 25 VDC - Connector: Connector mates with MS3106A-10SL-3S, 3 pins	JAQUET	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
10	34502028	Passive Speed Sensors	70085-1010-028	- 70085-1010-028 - Output Voltage (Standard): 75 V (P-P) - Output Voltage (Guarantee Point): 21.5 V (P-P) - DC Resistance: 210 ohms max. - Typical Inductance: 50 to 95 mH ref. - Output Polarity: Pin "B" positive - Operating Temperature: -73 to +107° C - Net Weight: 2.2 oz. max.	AITEKIN STRUME NTS	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
11	31501003	Extension Cable for (Displacement sensor)	FW-202FL-40	- Cable length (L): 4 m - Cable: Ø3.6 mm - Sensor side: Ø6.8 mm - Driver side: Ø7.1 mm	Shinkawa	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)
12	31501005	Extension Cable for (Displacement sensor)	FW-452FL-40	- Cable length (L): 4 m - Sensor side: Ø6.8 mm - Driver side: Ø7.1 mm	Shinkawa	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)
13	34481007	Programmable frequency-to-	DW2503	Nominal voltage AC[V] 110...240 Nominal voltage DC[V] 27 Nominal voltage tolerance[%] < 10	IFM	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)

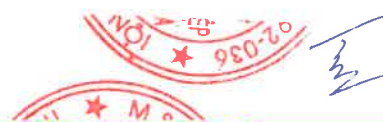
STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
		current converter		Nominal voltage tolerance 2[%] 20...10 Nominal frequency AC[Hz] 50...60 Max. power consumption[VA] 8 Power consumption[W] 5 Auxiliary energy for sensors DC[V] 19.6...27.7; (SELV, ≤ 150 mA) Number of relay outputs 1 Contact rating 6 A (250 V AC, 30 V DC); B300, R300; (ohmic resistance) Number of analogue outputs 1 Analogue current output[mA] 4...20 Max. load[Ω] 500 Analogue voltage output[V] 0...10 Min. load resistance[Ω] 10000 Measuring/setting range Setting range Hz[Hz] 0...10000 Setting range[Imp/min] 0...600000					
14	34481008	Evaluation system for safe standstill monitoring	DA102S	Electrical data Electrical design Relay Operating voltage [V] 24DC(19.2...30DC); incl. 5% residual ripple Current consumption [mA] ≤ 200 Sensor supply 24VDC/≤ 50mA Inputs Max. power-on delay time of the sensors[ms] ≤ 100 Input frequency[Hz] ≤ 3500	IFM	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)
15	31501006	Extension Cable for (Displacement sensor)	FW-202FL-45	- Cable length (L): 4,5 m - Cable: Ø3.6 mm - Sensor side: Ø6.8 mm - Driver side: Ø7.1 mm	Shinkawa	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)
16	34483012	Transducer	FK-202F1-1-2	- System cable length: 5m - Mounting plate: DIN Rail(35mm) Mount - Terminal block: Spring lock terminal - SENSOR ABNORMAL OUTPUT VOLTAGE: Approx. - 0.6VDC (Sensor OPEN/Sensor SHORT) - OUTPUT IMPEDANCE: 50Ω Current 5mA(max.)	Shinkawa	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
				- CURRENT CONSUMPTION (10kΩ load): Max. -15mA - POWER SUPPLY: -24VDC ± 10%					
17	51335058	Solenoid Valve	WSNF8327B00 2	- Differential pressure: 0 - 10 bar [1 bar =100 kPa] - Connection: 1/4 NPT - Orifice size: 5.7 mm - Body: Brass or stainless steel AISI 316L - Stem, core tube: Stainless steel - Core and plugnut: Stainless steel - Springs: Stainless steel - Solenoid enclosure: NF: Chromated aluminium, epoxy coated - Standard voltages: 24 Vdc - pipe size: 1/4 NPT - orifice size: 5,7mm - Power coid: 11.2 W - Protection class : IP67	ASCO	Châu Âu/ G7/ OECD	5	Cái	(*)
18	33422004	Pressure Switch	J402K-S147B	- Type J402K, dual switch output with internal hex crew adjustment. -Adjustable set point Range : 0.2 to 2.1 bar -Deadband : 34.5 to 137.9 mbar - Woking Pressure : -1 to 6.9 bar	United Electric Controls	Châu Âu/ G7/ OECD	3	Cái	(*)
19	51342005	Mechanically actuated heavy duty poppet valve	S/1340/14	- Port size: G1/4 - Operator/return: Plunger/spring - Operating pressure (bar): 0.7 – 10 - Operating force: 25N - Spares kit: QS/1340/6/00 - Dimension No: 1 - Pre-travel: 2,4 mm exhaust seat closes - Operating Travel: 1,6 mm - Total movement of valve including over-travel: 5,6 mm	IMI NORGR EN	Châu Âu/ G7/ OECD	10	Cái	(*)
20	34427034	Inductive sensor	IG5539	- Electrical design: PNP - Sensing range [mm]: 5 - Housing: threaded type - Dimensions [mm]: M18 x 1 / L = 80 - Operating voltage [V]: 10...30 DC - Reverse polarity protection: yes - Electrical design: PNP - Short-circuit protection: yes	IFM	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
				- Operating distance [mm]: 0...4.05 - Protection: IP 67 - Housing: threaded type - Display: switching status / 4 x LED, yellow					
21	34427073	Inductive Proximity Sensor	Type: IMG12NBDK (35160)	- rated operating distance Sn / mounting: 6mm/non flush - assured operating distance Sa: $\leq 4,8$ mm - real switching distance Sr / standard target St37: 5.4-6.6 mm - supply voltage UB: 10 - 30 V DC - output: PNP-NO - degree of protection acc. to DIN 60 529: IP67 - on/off indication: LED - connection: 2m PVC-cable	Secatec	Châu Âu/ G7/ OECD	3	Cái	(*)
22	51335111	4/3 proportional directional valves direct operated, with electrical position feedback, without/with integrated electronics (OBE)	4WRE 6 V16-22/G24K4/V-822 MNR: R901036556	4WRE 6 V16-22/G24K4/V-822 MNR: R901036556	Rexroth	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)
23	34502001	Inductive Sensor	BI10U-M30-VP4X (1582201)	+ Rated switching distance 10 mm + Secured operating distance $\leq (0.81 \times S_n)$ mm + Hysteresis: 3...15 % + Operating voltage: 10...65 VDC; + DC rated operational current: ≤ 200 mA; + Short-circuit protection: yes / Cyclic + Wire breakage/Reverse polarity protection: yes/Complete + Output function: 4-wire, Complementary contact, PNP + Design: Threaded barrel, M30 x 1.5; + Active area material: Plastic, PBT; + Protection class: IP68;	TURCK	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
24	33430039	Contact module	3SU1400- 1AA10-3CA0	Contact module with 1 contact element, 1 NC, spring-type terminal, for front plate mounting. - product type designation: 3SU1. - operating voltage: + at AC - at 50 Hz rated value: 5,,,500V. + at DC - at DC rated value: 5,,,500V. - height 36 mm - width 9.8 mm - depth 27.7 mm	Siemens	Châu Âu/ G7/ OECD	10	Cái	(*)
25	34427067	Sensor Brake Evaluation Unit	DUE-d8-00	- Sensor Ø8mm - Measuring range (MB): 2.0 mm - Protection class: IP66 - Operating temperature (sensor and cable): -50 to +150 °C Phải có khả năng lắp đặt, kết nối, giám sát động cơ di chuyển CSU hiện hữu tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.	SEW EUROD RIVE	Châu Âu/ G7/ OECD	3	Cái	(*)
26	38302017	Brake Evaluation Unit	DUE-1K-00 (Part number: 21195609)	- Signal outputs: BE..brake - Out 1: 4-20mA - FCT1: DC24V (150 mA) - Wear1: DC 24V (150 mA) - Current consumption: Min 40mA - Max 190mA - Supply voltage: DC 24V (±15%) - Electromagnetic compatibility: DIN EN 61800-3 - Degree of protection: IP20 (in closed teminal box max. IP66)	SEW EUROD RIVE	Châu Âu/ G7/ OECD	10	Cái	(*)
27	34560007	Encoder	8.5020.D55H.10 24	- Flange: with stator coupling, IP65 ø 63 mm - Through hollow shaft: ø 12 mm - Output circuit (with inverted signal) / supply voltage: push-pull / 10 ... 30 V DC - Type of connection – cable: tangential cable, 0.3 m [0.98°] PVC, incl. M12 connector, 8-pin for central fastening - Pulse rate: 1024	KUBLE R	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
28	34599006	Filter Regulator	8651APBL2N1 01GN	- Thread connection: NPTF - Product series: 651 - Elements: 5 µm (White) - Bowl type: Metal bowl with sight gauge (glass) - Port size: 1/4	AVENTI CS	Châu Âu/ G7/ OECD	58	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
				- Pressure range: 0.5...10bar - Options: Side Mounting Brackets - Drain type: Manual/Semi-automatic drain (tương đương 8651APBL2N101GN hoặc 8651APBL2N101HN)					
29	34427030	Proximity Switch	PRT30-15DO	Specifications - Sensing distance: 15mm ±10% - Hysteresis: Max 10% of Sensing distance - Setting distance: 0 ~ 10.5mm - Power supply: 24 VDC - Leakage current: Max 1.5mA - Response frequency: 100Hz - Residual voltage: Max 7V - Insulation Resistance: Min 50MΩ	AUTON ICS	Châu Âu/ G7/ OECD	10	Cái	(*)
30	39551037	Actuator control	AM02.1 Order no: 13454549	- 3 phase - Power supply: 400V AC - Control: 24V DC Tương đương Actuator control model AM 02.1 (Order no: 13454549), TPA: 00R1BB-101-000, MSP: 1110KC3-F18E1 hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng.	Auma	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)
31	34486006	Electromagnet ic flowmeter	Order code: 5W4C1H- W997/101	- Type: Promag W 400 - Approval: Non-hazardous area - Design: Fixed flange - Power Supply: 100-240VAC/24VAC/DC - Output; Input: 4-20mA HART, pulse/freq., switch output - Housing: Compact, alu, coated - Cable, Remote Version: Not used - Electrical Connection: Gland M20 ; - Liner: Hard rubber - Process Connection: Cl.150, carbon steel, flange ASME B16.5 - Electrodes: Alloy C22, bullet nose - Calibration Flow: 0.2%; - Display; Operation: WLAN - Customized Parameterization: Output I - Current span: 4...20 mA NAMUR - Value 0/4 mA: 0,00000 m3/h; Value 20 mA: 50,00000 m3/h - Failsafe mode current output: Max; - Damping output 1: 1,00000 s - Test, Certificate: Inspection certificate 3.1, EN10204 (material certificate meas. tube+flange)	Endress+ Hauser	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)



STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
				- Marking: Tagging (TAG) Phải phù hợp để thay thế cho Electromagnetic flowmeter model Promag W 400 (Serial No: R216FB19000) hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng.					
32	34490213	TSS sensor	Type: TSS PROBE	- TSS sensor + Type: TSS PROBE + Supply: 5-12 VDC Phải phù hợp với máy phân tích Type PHYSEO, Type: 1-0000-0015. SN 204604. Và TSS sensor Type: TSS PROBE, SN: 1804, hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng	datalink instru- ments	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	(*)
33	34497012	pH sensor	Type: PH PROBE	- pH sensor + Type: PH PROBE + Supply: 5-12VDC Phải phù hợp với máy phân tích Type PHYSEO, Type: 1-0000-0001. SN 204605. Và cảm biến pH, Type PH PROBE, SN 5664 hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng.	datalink instru- ments	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
34	34560005	Encoder	CDV75M-00037	ART.No: CDV75M-00037 - General Data: + Pinout: TR-ECE-TI-DGB-0160 + Protection Class: IP65 + Power Supply: 11 ... 27 Vdc + Operating Temp: -20...+70 độ C - Incremental Encoder: + Steps: 4096; Signal level: 5V + Signal: K1+K2+NEG - Absolute Encoder: + Interface: PROFIBUS/PROFISAFE + Stép: 8192; Revolution: 32768	TR Electroni- c	Châu Âu/ G7/ OECD	3	Cái	(*)
35	51342003	Quick exhaust valve	VSC 522-08	- Construction: Poppet type - Mounting: In-line - Materials: Nickel-plated brass body, Buna-N seals, Polyurethane seals - Port sizes: 1/2" NPTF - Installation: In-line - Operating temperature: 32°F - 175°F, (dry air necessary down to - 4° F) - Fluid: Filtered air (25 micron or less)	Camozzi	Châu Âu/ G7/ OECD	21	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
				- Lubricant: Oil compatible with Buna-N, (3° - 10° E) (ISOVG32 grade) - Operating pressure: 0.3 - 10 bar, (5 - 145 psi) - Nominal pressure: 6 bar (87 psi) - Nominal flow: Series VSC: 1/2" = 4500 NL/min. (158.9 SCFM)					
36	51342004	Quick exhaust valve	VSC 544-04	- Construction: Poppet type - Materials: Nickel-plated brass body, Buna-N seals - Port sizes: 1/4" NPTF - Operating pressure: 0.3 - 10 bar, (5 - 145 psi)	Camozzi	Châu Âu/ G7/ OECD	32	Cái	(*)
37	34502004	Inductive sensor	IFS213	- Product characteristics: Electrical design: PNP; Output function: Normally open; Sensing range: 7 mm; Housing: Threaded, M12 x 1 / L = 70 mm. - Electrical data: Operating voltage: 10...30 V DC; Current consumption: <10 mA; Protection class: II; Reverse polarity protection: Yes. - Outputs: Design: PNP, Normally open; Max voltage drop: 2.5 V; Leakage current: 0.5 mA; Rated current: 100 mA; Switching frequency: 700 Hz; Short -circuit/Overload protection: Yes. - Detection zone: Nominal range: 7 mm (Sr = 7 ±10%); Operating distance: 0...5.7 mm; Correction factors: Steel 1 / SS 0.7 / Brass 0.5 / Al 0.4 / Cu 0.3; Hysteresis: 3-15% Sr; Switch drift: ±10% Sr. - Operating conditions: Temperature: -25...70 °C; Protection: IP67; UL approval: Type 1, Ta 0...40 °C, File No. E174191.	IFM	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
38	58801058	Filter Regulator	LFR-3/4-D-MAXI-A (Part NO: 159636)	- Size: Maxi - Series: D - Actuator lock: Rotary knob with detent - Condensate drain: Fully automatic - Design: Filter regulator with pressure gauge - Max. condensate volume: 80 ml - Bowl guard: Metal bowl guard - Pressure gauge (ANALOG) or Pressure display (DIGITAL): With pressure gauge - Operating pressure: 2 bar ... 12 bar - Pressure regulation range: 0.5 bar ... 12 bar	FESTO	Châu Âu/ G7/ OECD	10	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
				- Max. pressure hysteresis: 0.4 bar - Pneumatic connection, port 1: G3/4					
39	38302057	Controller	CB-GEN5 Rev B	CB-GEN5 Rev B - Power: 100-240 VAC - Digital Inputs: 8 - Relay Outputs: 6 - Analog Input: 2 Phải phù hợp với controller CB-GEN5 Rev B của nhà sản xuất Mighty Instruments hiện hữu nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I đang sử dụng.	Mighty Instruments	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
40	34427024	Inductive Sensor	NBN40-U1-A2-M	- Switching function: complementary - Output type: PNP - Rated operating distance: 40 mm - Output type: 4-wire - Operating voltage UB: 10 ... 60 V DC - Switching frequency f: 0 ... 150 Hz - Reverse polarity protection: reverse polarity protected - Short-circuit protection: pulsing - Operating current IL: 0 ... 200 mA - Degree of protection: IP68	PEPPERL +FUCHS	Châu Âu/ G7/ OECD	20	Cái	(*)
41	56319003	R/I Converter	R/I Converter (Spare Part for TM161608-0005)	R/I Converter (Spare Part for TM161608-0005)	Enertork	Châu Âu/ G7/ OECD	10	Cái	(*)
42		1/8 DIN ANALOG INPUT PANEL METERS	Type: PAXD-CDL10-CDS20-CDC50	Type: PAXD-CDL10-CDS20-CDC50	Red Lion	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
43	51342023	Poppet Valve	8227A1NP3014 A00	- Valve Series: Poppet for Compressed Air - Port Size: 3/8" - Valve Actuator: Air pilot with spring return - Valve Function: 2 Position 3-way Normally Closed (non-passing) - Mounting: Line mounted (ports in valve body) - Wiring Options: No wiring - Air piloted - Port Type: NPTF Pressure ports	AVENTI CS	Châu Âu/ G7/ OECD	4	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
				- Special Options: No Option - Voltage: Air Pilot					
44	56319006	Actuator TQ-060i	TQ-060i	Model: TQ-060i Protection: IP68 Torque: 60 kg.m Power: 220V Motor: 90W, Current: 1.42A Phải phù hợp với actuator MOV damper quạt PAF Model TQ-060i, NSX Enertork, SN TQ162517-0002	Enertork	Châu Âu/ G7/ OECD	3	Cái	(*)
45	34427012	Inductive proximity switches	PN: 669251311	PN: 669251311	BIJUR DELIMON	Châu Âu/ G7/ OECD	5	Cái	(*)
46		Actuator Motor of TM-3i (11 KW)	Actuator Motor of TM-3i (11 KW)	Output: 11 kw Current: 25A Rating 15 min Phase: 3 Volt 400 Rpm 1400 Phải phù hợp với actuator MOV of TM-3i, SN TM161608-0184, NSX Enertork	Enertork	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
47		Actuator Integral of unit TM-3i	Actuator Integral of unit TM-3i	Actuator Integral of unit TM-3i Phải phù hợp với Actuator Integral of unit TM-3i, SN TM161608-0184, NSX Enertork	Enertork	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
48	38302016	Control power board	P/N: PB-ABE12-V1	P/N: PB-ABE12-V1 Được sử dụng cho van Enertork hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng	Enertork	Korea	10	Cái	(*)
49	34505008	Velocity transducer	CV-861	- Cable type: Connector type - Sensitivity: 3.94mV/mm/s (100mV/in/s REF.)pk ± 5% at 100Hz, 25°C (77°F REF.) - Max. Velocity: 1,270mm/s (50in/s REF.)pk - Max. Shock Energy: 4J (Intrinsically safe) - Linearity: ± 1% of F.S. - Natural Frequency: 15kHz - Power Supply: 18 to 30VDC, 2 to 10mADC (constant current) - Protection Rating: IP67	Shinkawa	Châu Âu/ G7/ OECD	4	Cái	(*)



STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
50	38072002	Velocity transducer Cable	CW-100E-EF- 00-0	- Cable length (L): 10m - Lug type: cut off - Flexible armor: Without	Shinkawa	Châu Âu/ G7/ OECD	4	Cái	(*)
51	35088001	Volume Booster Relay	YT-320N1	- Max Supply Pressure: 1 MPa (10 bar) - Max Sig. / Out Pressure: 0.7 MPa (7 bar) - Signal / Output Pressure Ratio: 1 : 1 - Flow Capacity (Cv): + Exhaust: 2.08 + Output: 2.72 - Supply/Output connection: 1/2 NPT - Signal connection: 1/4 NPT - Linearity: ±1% F.S. - Ambient Temp: Standard Temp. : -20 ~ 70 °C (-4 ~ 158 °F) - Housing Material: Aluminum	Rotork	Châu Âu/ G7/ OECD	10	Cái	(*)
52	51990005	Volume Booster Relay	YT 300N1	- Air Connection Type: NPT - Max. Supply Pressure: 1 MPa (10 bar) - Max. Signal / Output Pressure: 0.7 MPa (7 bar) - Signal / Output Pressure Ratio: 1 : 1 - Flow Capacity (Cv): + Exhaust: 1.32 + Output: 1.19 - Supply / Output Connection : 1/4 NPT - Signal Connection : 1/4 NPT - Housing Material: Aluminum	Rotork	Châu Âu/ G7/ OECD	11	Cái	(*)
53	35088003	Volume Booster	YT 310N1	- Air Connection Type: NPT - Max Supply Pressure: 1 MPa (10 bar) - Max Sig. / Out Pressure: 0.7 MPa (7 bar) - Signal / Output Pressure Ratio: 1 : 1 - Flow Capacity (Cv): + Exhaust: 5.24 + Output: 4.91 - Supply/Output connection: 3/4 NPT - Signal connection: 1/4 NPT - Linearity: ±1% F.S. - Material: Aluminum	Rotork	Châu Âu/ G7/ OECD	10	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
54	34599032	Air Filter Regulator	YT - 205BN210	- Max. Supply Pressure: 1.7 MPa=17 bar=246.5 psi - Max. Output Pressure: 0.84 MPa - Air connection 1/4 NPT - Gauge connection 1/4 NPT - Operating Temp: -20 to 70 Deg C (-4 to 158 Deg F (Standard type) - Material: Stainless steel 316 - Gauge: 0 to 1.0 MPa - Option: Manual drain	Rotork	Châu Âu/ G7/ OECD	10	Cái	(*)
55	33415009	Limit Switch	ZCKJ4 + ZCKE05 + ZCKY51	- ZCKJ4 + ZCKE05 + ZCKY51 - Range of Product: Telemecanique Limit switches XC Standard - Body type: Fixed - Product Compatibility: XCKJ - Associated head: ZCKE05 - Body material: Metal - Width: 1.6 in (40 mm) - Height: 4.02 in (102 mm) - Depth: 2.4 in (60 mm) - IP Degree of Protection: IP66	Telemec anique	Châu Âu/ G7/ OECD	35	Cái	(*)
56	33504002	Intelligent Plug-In Temperature Sensors	FST - 951	- Operating Voltage Range: 15 to 32 Volts DC Peak - Operating Current @ 24 VDC: 200 uA (one communication every 5 seconds with green LED blink on communication) - Operating Humidity Range: 10% to 93% Relative Humidity, Non-condensing - Installation Temperature: Set for fixed-temperature or rate-of-rise (ROR): -4°F to 100°F (-20°C to 38°C) - Set for high-heat: -4°F to 150°F (-20°C to 66°C) - Fixed Temperature Rating: 135°F (57°C) - High Heat Temperature Rating: 190°F (88°C) - Rate-of Rise Detection: Responds to greater than 15°F/minute or 135°F (8.3°C/minute or 57°C) - Height: 2.0" (51 mm) installed in B300-6 Base - Diameter: 6.2" (156 mm) installed in B300-6 Base	NOTIFI RER	Châu Âu/ G7/ OECD	141	Cái	(*)
57	33515001	Intelligent Plug-In Photoelectric Smoke	FSP - 951	- Operating Voltage Range: 15 to 32 VDC - Operating Current @ 24 VDC: 200 uA (one communication every 5 seconds with green LED blink on communication) - Operating Humidity Range: 10% to 93% Relative Humidity,	NOTIFI RER	Châu Âu/ G7/ OECD	35	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
		Detectors with FlashScan		Non-condensing - Operating Temperature Range: 32°F to 122°F (0°C to 50°C) - Air Velocity: 0 to 4000 ft./min. (0 to 1219.2 m/min.) - Height: 2.0" (51 mm) installed in B300-6 Base - Diameter: 6.2" (156 mm) installed in B300-6 Base; 4.1" (104 mm) installed in B501 Base					
58	34424324	Pressure sensor	Model A-10	Wetted parts: 316L Non-linearity $\leq \pm 0.5$ % of span Measuring range, gauge pressure: 0...300 psi Process connection: 1/4 NPT Output signal: 1 ... 5 V, 3-wire Power supply: 8...30 V DC Pin assignment: Angular connector DIN175301-803A	Wika	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	(*)
59	51898133	Fan	FP-108M/DC	- BEARING SYSTEM: SLEEVE BEARING & BALL BEARING - IMPELLER: PLASTIC WITH FIBER GLASS FILLED UL 94V-0 - HOUSING: PLASTIC WITH FIBER GLASS FILLED UL 94V-0 - MOTOR: BRUSHLESS DC - CONNECTING: WIRE LEADS. - SPEED: S-1 HIGH SPEED TYPE - Voltage: 24VDC - Current : 0,24A	Common wealth	Châu Âu/ G7/ OECD	10	Cái	(*)
60	35692002	Switching power supply	FSP700-80PSA	- AC input: 100 - 240V, 60 - 50 Hz. - Total output: 700W. - Phù hợp cho máy tính: X9SRE-3F/X9SRi-3F) của hãng Supermicro.	FSP Group INC.	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Bộ	(*)
61	35692003	Switching Power Supply	- Model No.: HSTNS-PD40 P/N: 723595- 101	- AC input: 100 - 240V, 60 - 50 Hz. - Total output: 500W. - Phù hợp cho máy tính Proliant DL380 Gen 9 của hãng HP.	HP	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Bộ	(*)
62	38310040	Synchronizati on module	6ES7960- 1AA06-0XA0	Synchronization module V6 for patch cable to 10 m Input current + Current consumption, max: 220 mA Power loss, typ: 0.77 W Dimensions	Siemens	Châu Âu/ G7/ OECD	3	pcs	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
				+ Width: 13 mm + Height: 14 mm + Depth: 58 mm					
63	38310042	Profibus bus terminal 12M	6GK1500- 0AA10	- Bus terminal 12M for PROFIBUS, Transmission rates 9.6 Kbit/s to 12 Mbit/s, Plug-in cable 1.5 m. - Transfer rate transfer rate • with PROFIBUS 9.6 kbit/s ... 12 Mbit/s. - Interfaces number of electrical connections • for PROFIBUS cables 2 type of electrical connection • for PROFIBUS cables Screw terminals - Mechanical data material / of the enclosure: plastic - Design, dimensions and weights width 50 mm; height 138 mm; depth 53 mm net weight 360 g fastening method • 35 mm top hat DIN rail mounting: Yes; - Product features, product functions, product components / general product feature • silicon-free Yes; standards, specifications, approvals certificate of suitability • UL approval Yes	Siemens	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Pcs	(*)
64	39410001	HARD DRIVE	ST1000DM010	- Dung lượng: 1TB - Tốc độ quay: 7200rpm - Bộ nhớ Cache: 64Mb - Chuẩn giao tiếp: SATA 3 - Kích thước: 3.5Inch	Seagate	Châu Âu/ G7/ OECD/A sia	5	Pcs	(*)
65		Digital Video Recorder	DS-7208HQHI- K1	DS-7208HQHI-K1	HIKVISI ON	Châu Âu/ G7/ OECD/A sia	1	Pcs	(*)
66		POWER SUPPLY MODULE	MODEL No.: BTPO01	50W, +5VDC - NSX: ORBIS/Doosan. - Xuất xứ: Korea/OECD.	ORBIS/D oosan.	Châu Âu/ G7/	1	Pcs	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
						OECD/A sia			
67		POWER SUPPLY MODULE	MODEL No: BTPO02	50W, +12VDC - NSX: ORBIS/Doosan. - Xuất xứ: Korea/OECD.	ORBIS/D oosan.	Châu Âu/ G7/ OECD/A sia	1	Pcs	(*)
68		POWER SUPPLY MODULE	MODEL NO.: BTPO12	50W, -12VDC - NSX: ORBIS/Doosan. - Xuất xứ: Korea/OECD.	ORBIS/D oosan.	Châu Âu/ G7/ OECD/A sia	1	Pcs	(*)
69		POWER SUPPLY MODULE	MODEL No.: BTPO04	50W, +24VDC - NSX: ORBIS/Doosan. - Xuất xứ: Korea/OECD.	ORBIS/D oosan.	Châu Âu/ G7/ OECD/A sia	1	Pcs	(*)
70	38304067	Digital output module	6ES7322- 5GH00-0AB0	SIMATIC S7-300, digital output SM 322, isolated, 16 DO (solid state relay) - Load voltage L+: + Rated value (DC): 24 V; 24 / 48 + permissible range, lower limit (DC): 20.4 V + permissible range, upper limit (DC): 57.6 V + Reverse polarity protection: Yes - Input current: + From supply voltage L+, max: 200 mA + From backplane bus 5 V DC, max: 100 mA - Power loss, typ: 2.8 W - Number of digital outputs: 16 - Dimensions: + Width 40 mm + Height 125 mm + Depth 120 mm	Siemens	Châu Âu/ G7/ OECD	10	Cái	(*)
71	38304359	Communicatio ns processor module	6GK1162- 3AA00	-Transfer rate: 10 Mbit/s, 100 Mbit/s, 1000 Mbit/s - Interfaces Number of electrical connections ● at the 1st interface / acc. to Industrial Ethernet: 2	Siemens	Châu Âu/ G7/ OECD	3	Pcs	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
				• for power supply: 1 Type of electrical connection • at the 1st interface / acc. to Industrial Ethernet: RJ45 port • for power supply: 2-pole terminal block. Supply voltage, current consumption, power loss - Type of voltage / of the supply voltage DC Type of voltage supply / optional external supply: Yes - Supply voltage • 1 / from backplane bus: 3.3 V • 2 / from backplane bus: 12 V • external: 24 V • external: 10.5 ... 32 V Power loss [W]: 7.6 W Protection class IP: IP00 - Design, dimensions and weight Module format PCI Express x1 (half length) Width: 18 mm Height: 111 mm Depth: 167 mm					
72	38300012	MicroLogix 1000	1761-L32BWA	- Product Series: MicroLogix 1000 (Bul. 1761). - Component Type PLC & I/O: Controller with onboard I/O. - Unom, Supply Voltage(s), AC, Nom: 120 V AC/240. - Memory, Program: 737 B memory . - Memory, Data: 437 B memory. - Number of Digital Inputs: 20 qty. - Digital Input Type: 24V DC Sinking/Sourcing type. - Number of Digital Outputs: 12 qty. - Digital Output Type: Relay type. - Communications Ports (On Board): RS232. - Communications Protocols: RS-232, RJ45.	Allen Bradley	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Set	(*)
73	38304199	Bus module	6ES7195-7HD10-0XA0	SIMATIC DP, Bus module for ET 200M for holding 2 IM153-2 red. for removal and insertion function during RUN operating time. - Order information: 6ES7195-7HD10-0XA0	Siemens	Châu Âu/ G7/ OECD	3	Cái	(*)
74	38310494	IO BASE ASSEMBLY 4 SLOT	5X00497G01	IO BASE ASSEMBLY 4 SLOT 5X00497G01	Emerson	Châu Âu/ G7/ OECD	3	Bộ	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Ord No. (Part No.)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
75	38310489	Branch Terminator, Left	1B30023H01	Branch Terminator, Left 1B30023H01	Emerson	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Bộ	(*)
76	38310490	Branch Terminator, Right	1B30023H02	Branch Terminator, Right 1B30023H02	Emerson	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Bộ	(*)
77	35692005	Switching Power supply	L240AS-01	- Model No:L240AS-01 Max Power: 240W AC Input: 100-240V~/4.0A 50-60Hz - Phù hợp cho máy tính OptiPlex 3050 của hãng Dell.	Dell	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Bộ	(*)
78		CPU	6ES7516-3AN01-0AB0/ 6ES7516-3AP03-0AB0	6ES7516-3AN01-0AB0/ 6ES7516-3AP03-0AB0	Siemens	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Pcs	(*)

Ghi chú:

- Thuế giá trị gia tăng là tạm tính mức 10%, trong quá trình thực hiện hợp đồng mức thuế suất sẽ được điều chỉnh tại thời điểm nghiệm thu thanh toán phù hợp với quy định thuế của Chính phủ.
- (*) Danh mục hàng hóa, nhà sản xuất, tiêu chuẩn của hàng hóa nêu trên là hàng hóa thuộc các thiết bị hiện hữu tại Nhà máy/Chủ đầu tư lấy theo khuyến cáo của nhà sản xuất/chế tạo thiết bị, tài liệu O&M Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, Nhà thầu phải chào đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt cho thiết bị/hệ thống nêu trên) để đảm bảo hệ thống/thiết bị vận hành lâu dài, ổn định, hiệu suất cao nhất.
- Đối với các mục còn lại Nhà thầu có thể chào đúng loại yêu cầu hoặc tương đương hoặc tốt hơn.

Yêu cầu khác:

- Nhà thầu chào đầy đủ NSX, xuất xứ của hàng hóa;
- Tiến độ: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét;
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;



- Chứng từ kèm theo hàng hóa:

+ Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO) nếu có, chứng chỉ chất lượng (CQ/COA), (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;

+ Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.



A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized cursive letters.